

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG**

**102A PHỐ CƠ ĐIỀU, Q.11, TP.HCM**

**DIỆN THOẠI: 22150194 – FAX: 54051353**

**MST:0300716891**

---oOo---

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
<b>ĐẾN</b>	Số: 24052.....
	Giờ..... Ngày 15 tháng 7 năm 13

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ II - NĂM 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mẫu số B 01 - DN  
 (Ban hành QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày  
 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>53.980.722.108</b>	<b>55.904.132.108</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>616.644.409</b>	<b>1.145.979.697</b>
1. Tiền	111	4	616.644.409	1.145.979.697
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>22.220.266.691</b>	<b>47.938.475.629</b>
1. Phải thu khách hàng	131		17.145.839.770	41.289.335.286
2. Trả trước cho người bán	132		56.795.000	56.795.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch H.đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		5.017.631.921	6.592.345.343
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5</b>	<b>29.110.660.536</b>	<b>6.629.782.033</b>
1. Hàng tồn kho	141		29.110.660.536	6.629.782.033
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.033.150.472</b>	<b>189.894.749</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		118.961.391	54.394.749
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.765.649.081	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		148.540.000	135.500.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>75.772.070.543</b>	<b>75.371.007.253</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>24.251.345.894</b>	<b>24.686.708.830</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.2	24.251.345.894	2.244.914.551
- Nguyên giá	222		34.318.201.364	11.616.976.863
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(10.066.855.470)	(9.372.062.312)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	6.1	0	0
- Nguyên giá	228		241.351.000	241.351.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(241.351.000)	(241.351.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7	0	22.441.794.279
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>51.505.907.335</b>	<b>50.650.652.335</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	8,1	6.975.000.000	6.975.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	8,2	54.309.011.652	54.309.011.652
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(9.778.104.317)	(10.633.359.317)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.817.314</b>	<b>33.646.088</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		14.817.314	33.646.088
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>129.752.792.651</b>	<b>131.275.139.361</b>

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỶ	SỐ ĐẦU NĂM
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>17.861.478.182</b>	<b>20.823.325.102</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>9.581.276.685</b>	<b>11.595.123.605</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	9		2.900.841.111
2. Phải trả người bán	312		1.010.385.101	2.161.581.250
3. Người mua trả tiền trước	313		4.393.954.485	4.112.957.135
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	481.883.431	303.033.359
5. Phải trả người lao động	315		567.701.153	
6. Chi phí phải trả	316		289.265.847	24.929.380
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11	2.816.818.260	1.797.552.962
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	353		21.268.408	294.228.408
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8.280.201.497</b>	<b>9.228.201.497</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	12	8.280.201.497	9.228.201.497
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>111.891.314.469</b>	<b>110.451.814.259</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>111.891.314.469</b>	<b>110.451.814.259</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	13	95.699.830.000	95.699.830.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.800.000.000	4.800.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.526.899.032	3.526.899.032
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.824.070.176	1.824.070.176
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.040.515.261	4.601.015.051
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIÊN ĐÔNG  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	129.752.792.651	131.275.139.361
-----------------------------------	-----	-----------------	-----------------

TP.HCM, ngày 10 tháng 07 năm 2013.

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VÕ TRẦN QUỐC



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

CÔNG PHÁN  
CÔNG NGHỆ  
SÀI GÒN  
VIÊN ĐÔNG

BÙI NAM LONG



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIÊN ĐÔNG  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mẫu số B 02 - DN  
(Ban hành QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ Ttrưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Quý II – Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ Tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	14	19.730.617.037	8.442.804.249	24.989.798.407	41.463.883.655
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		87.166.106	141.562.868	165.025.846	214.601.866
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>19.643.450.931</b>	<b>8.301.241.381</b>	<b>24.824.772.561</b>	<b>41.249.281.789</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	15	17.117.784.460	6.530.901.630	20.763.741.608	37.553.127.242
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>2.525.666.471</b>	<b>1.770.339.751</b>	<b>4.061.030.953</b>	<b>3.696.154.547</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	1.818.579	1.126.017.532	5.945.314	1.128.193.291
7. Chi phí tài chính	22	17	(490.075.978)	2.926.155.385	(60.007.342)	3.312.827.668
<b>- Trong đó: Chi phí lãi vay</b>	<b>23</b>		<b>361.484.543</b>	<b>56.650.000</b>	<b>549.153.746</b>	<b>143.361.284</b>
8. Chi phí bán hàng	24		630.038.694	601.820.153	1.265.487.224	1.624.465.063
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		501.127.306	587.959.207	940.719.387	1.266.649.221
<b>10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]</b>	<b>30</b>		<b>1.886.395.028</b>	<b>(1.219.577.462)</b>	<b>1.920.776.998</b>	<b>(1.379.594.114)</b>
11. Thu nhập khác	31			244.036.362		488.421.815
12. Chi phí khác	32		66.254	57.298.752	66.254	114.722.587
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(66.254)</b>	<b>186.737.610</b>	<b>(66.254)</b>	<b>373.699.228</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>1.886.328.774</b>	<b>(1.032.839.852)</b>	<b>1.920.710.744</b>	<b>(1.005.894.886)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	472.521.028	(7.093.512)	481.210.534	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>1.413.807.746</b>	<b>(1.025.746.340)</b>	<b>1.439.500.210</b>	<b>(1.005.894.886)</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		148	(118)	150	(116)

TP HCM, ngày 10 tháng 07 năm 2013.

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ THU PHƯỢNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VÕ TRẦN QUỐC



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

BÙI NAM LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mẫu số B 03 - DN  
(Ban hành QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ Ttrường BTC)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp) (\*)  
Quý II - Năm 2013

ĐVT : đồng

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		29.623.090.802	45.096.932.845
2. Tiền chi trả cho người cung cấp dịch vụ	2		( 24.616.527.982)	( 37.591.980.507)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		( 2.975.286.040)	( 3.083.532.279)
4. Chi trả lãi vay	4		( 782.558.057)	( 86.711.284)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5		( 8.689.506)	( 426.909.389)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		4.634.615.939	1.781.746.468
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		( 2.555.139.333)	( 2.809.312.695)
<b>Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>3.319.505.823</b>	<b>2.880.233.159</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đóng góp vốn vào đơn vị khác	25		0	( 1.010.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	1.125.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>0</b>	<b>115.000.000</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		0	1.565.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		( 3.848.841.111)	( 4.113.841.111)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>( 3.848.841.111)</b>	<b>( 2.548.841.111)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>( 529.335.288)</b>	<b>446.392.048</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.145.979.697	225.789.124
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	( 112.416)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>616.644.409</b>	<b>672.068.756</b>

TP. HCM, ngày 10 tháng 07 năm 2013.

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

VÕ TRẦN QUỐC

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

BÙI NAM LONG



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông (tên cũ: Công ty cổ phần xe đạp xe máy Sài Gòn) hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300716891 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 9 tháng 12 năm 2003 và thay đổi lần thứ 11 vào ngày 27 tháng 11 năm 2012.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất mua bán linh kiện, phụ tùng thay thế cho xe đạp, xe gắn máy. Lắp ráp, bảo trì, sửa chữa xe đạp, xe máy. Gia công các sản phẩm kim loại. Dịch vụ thiết kế, chế tạo, sửa chữa các thiết bị phục vụ sản xuất (không: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở). Sản xuất, mua bán xe đạp, xe gắn máy, ô tô, phụ tùng thay thế. Sản xuất, mua bán nguyên vật liệu, sản phẩm cơ khí, nhựa, điện máy, điện tử, điện lạnh, thủ công, mỹ nghệ (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải kim loại – nhựa, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất thủy tinh, gốm, sứ, chế biến gỗ tại trụ sở). Sản xuất mua bán giấy, các sản phẩm từ giấy, mực in, vật tư, thiết bị cho ngành giấy, ngành in (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất bột giấy tại trụ sở). In bao bì (trừ in tráng bao bì kim loại). Thiết kế, chế tạo, lắp đặt thiết bị, vật tư kỹ thuật, chuyển giao công nghệ ngành giấy, ngành in (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở). Kinh doanh nhà. Cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi. Đào tạo nghề. Đào tạo ngoại ngữ, tin học. Giáo dục mầm non. Giáo dục bậc tiểu học, trung học, trung học chuyên nghiệp và cao đẳng. Tư vấn du học, bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan gồm: xăng dầu đã tinh chế, xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa; bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỡ đã tinh chế khác. Bán buôn sách (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm.

Vốn điều lệ của Công ty là 95.699.830.000 đồng.

Công ty có trụ sở tại 102A Phó Cơ Điều, phường 4, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Mã chứng khoán: SVT

**2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với hệ thống kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam. Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

***Hình thức sổ kế toán áp dụng***

Hình thức sổ kế toán đăng ký áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ

***Niên độ kế toán***

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

***Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng từ ngày kết thúc năm tài chính, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền.

***Các khoản phải thu***

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản thu tại thời điểm cuối năm kế toán. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

## 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm giá mua cộng với chi phí vận chuyển, chi phí thu mua. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp quân giá quyền.

### *Tài sản cố định và khấu hao*

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo nguyên giá, khấu hao và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm giá mua cộng chi phí vận chuyển, lắp đặt. Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	8 – 10 năm
Máy móc thiết bị	2 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
Tài sản cố định khác	8 – 10 năm
Tài sản cố định vô hình	6 năm

### *Các khoản đầu tư liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

### *Các khoản đầu tư chứng khoán*

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc năm tài chính.

### *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### *Chi phí lãi vay*

Chi phí lãi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa do chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỆT ĐÔNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

### 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

#### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

#### *Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### *Thuế*

#### *Thuế hiện hành*

Thuế phải nộp được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho nhà nước, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	30/06/2013	01/01/2013
Tiền mặt	442.016.708	701.347.862
Tiền gửi ngân hàng	174.627.701	444.631.835
Tiền gửi VND	172.533.557	442.538.939
Tiền gửi USD	2.094.144	2.092.896
Các khoản tương đương tiền		
<b>Tổng cộng</b>	<b>616.644.409</b>	<b>1.145.979.697</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỆT ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

5. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	30/06/2013	01/01/2013
Nguyên vật liệu	1.715.692.022	1.884.747.700
Công cụ dụng cụ	996.744.163	700.906.413
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	196.894.968	194.203.829
Thành phẩm	3.558.537.190	3.826.810.831
Hàng hóa	22.642.792.193	23.113.260
<b>Tổng cộng</b>	<b>29.110.660.536</b>	<b>6.629.782.033</b>

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

6.1 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	25.600.000	215.751.000	241.351.000
Mua trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	25.600.000	215.751.000	241.351.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	25.600.000	215.751.000	241.351.000
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	25.600.000	215.751.000	241.351.000
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

6.2 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc Thiết bị	Phương tiện Vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	4.434.049.288	5.365.980.203	502.514.450	199.096.298	1.115.336.624	11.616.976.863
Tăng trong kỳ	21.444.491.910	-	-	1.420.704.291	-	22.865.196.201
Thanh lý, nhượng bán, khác	89.628.000	22.900.000	-	51.443.700	-	163.971.700
Số dư cuối kỳ	<u>25.788.913.198</u>	<u>5.343.080.203</u>	<u>502.514.450</u>	<u>1.568.356.889</u>	<u>1.115.336.624</u>	<u>34.318.201.364</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	3.127.565.902	5.025.715.608	351.677.968	166.616.309	700.486.525	9.372.062.312
Khấu hao trong kỳ	543.155.424	62.070.547	12.746.748	151.253.625	56.319.336	825.545.680
Thanh lý, nhượng bán, khác	72.548.680	18.186.399	-	40.017.443	-	130.752.522
Số dư cuối kỳ	<u>3.598.172.646</u>	<u>5.069.599.756</u>	<u>364.424.716</u>	<u>277.852.491</u>	<u>756.805.861</u>	<u>10.066.855.470</u>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	<u>1.306.483.386</u>	<u>340.264.595</u>	<u>150.836.482</u>	<u>32.479.989</u>	<u>414.850.099</u>	<u>2.244.914.551</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>22.190.740.552</u>	<u>273.480.447</u>	<u>138.089.734</u>	<u>1.290.504.398</u>	<u>358.530.763</u>	<u>24.251.345.894</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

7. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	30/06/2013	01/01/2013
Công trình trường Việt Mỹ	0	22.441.794.279
<b>Tổng cộng</b>	<b>0</b>	<b>22.441.794.279</b>

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

8.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Đơn vị: đồng Việt Nam

Công ty liên kết	Tỷ lệ vốn tham gia	30/06/2013	Tỷ lệ vốn tham gia	01/01/2013
Trường tiểu học dân lập Việt Mỹ	35%	875.000.000	35%	875.000.000
Trường trung học cơ sở Việt Mỹ (*)	40%	800.000.000	40%	800.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	30%	4.500.000.000	30%	4.500.000.000
Trường Trung học Phổ thông Việt Mỹ Anh	40%	800.000.000	40%	800.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>6.975.000.000</b>		<b>6.975.000.000</b>

(\*) Trường trung học cơ sở Việt Mỹ: vốn phải góp theo giấy phép là 4.000.000.000 đồng.

8.2 Đầu tư dài hạn khác

Đơn vị: đồng Việt Nam

Tên công ty đầu tư	Số lượng cổ phiếu	30/06/2013	Số lượng cổ phiếu	01/01/2013
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>54.309.011.652</b>		<b>54.309.011.652</b>
Công ty cổ phần đầu tư phát triển thương mại Viễn Đông	570.170	9.011.289.000	570.170	9.011.289.000
Công ty cổ phần Chè Minh Rồng	24.300	1.215.000.000	24.300	1.215.000.000
Công ty cổ phần Chè Café Di Linh	20.000	600.432.652	20.000	600.432.652
Công ty cổ phần Giấy Toàn Lực	1.695.000	16.950.000.000	1.695.000	16.950.000.000
Công ty CP Thương Mại Toàn Lực	1.780.650	17.806.500.000	1.780.650	17.806.500.000
Công ty cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	222.579	2.225.790.000	222.579	2.225.790.000
Công ty cổ phần In Khánh Hội	150.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Công ty cổ phần văn hóa giáo dục Viễn Đông	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn		(9.778.104.317)		(10.633.359.317)
Công ty cổ phần đầu tư phát triển thương mại Viễn Đông (VID)		(6.616.575.000)		(7.471.830.000)
Công ty cổ phần Chè Café Di Linh		(40.657.836)		(40.657.836)
Công ty cổ phần văn hóa giáo dục Viễn Đông		(247.883.298)		(247.883.298)
Công ty CP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt		(1.951.192.872)		(1.951.192.872)
Công ty cổ phần In Khánh Hội		(921.795.311)		(921.795.311)

9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	30/06/2013	01/01/2013
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (1)	0	0
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	0	2.700.000.000
Nguyễn Thị Lương	0	0
Nguyễn Đức Hậu	0	0
Nguyễn Thanh Thủy	0	0
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>0</b>	<b>200.841.111</b>
<b>Số dư vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>0</b>	<b>2.900.841.111</b>

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	30/06/2013	01/01/2013
Thuế giá trị gia tăng		278.877.460
Thuế thu nhập doanh nghiệp	472.521.028	0
Thuế thu nhập cá nhân	9.362.403	24.155.899
<b>Tổng cộng</b>	<b>481.883.431</b>	<b>303.033.359</b>

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	30/06/2013	01/01/2013
Kinh phí công đoàn	21.850.925	37.188.460
Bảo hiểm xã hội + Bảo hiểm y tế + Bảo hiểm thất nghiệp	34.602.833	0
Phải trả cổ phần hóa	4.664.502	4.664.502
Phải trả phải nộp khác	2.755.700.000	1.755.700.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Trường Tiểu Học Dân Lập Việt Mỹ	771.700.000	771.700.000
Trường Trung Học Cơ Sở Việt Mỹ	974.000.000	974.000.000
Sầm Thái Sơn	10.000.000	10.000.000
Công ty CP Chè Cà Phê Di Linh	1.000.000.000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.816.818.260</b>	<b>1.797.552.962</b>

12. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	30/06/2013	01/01/2013
<b>Vay dài hạn</b>		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (1)	8.079.360.385	9.027.360.385
<b>Nợ dài hạn - Bộ tài chính (2)</b>	200.841.112	200.841.112
<b>Số dư vay và nợ dài hạn</b>	<b>8.280.201.497</b>	<b>9.228.201.497</b>

(1) Khoản Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 12 theo Hợp đồng tín dụng số 151/HĐTD ngày 07 tháng 08 năm 2010 để đầu tư dự án xây dựng trường Việt Mỹ, lãi suất vay điều chỉnh từng kỳ, thời hạn vay 7 năm, khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai là các công trình, vật kiến trúc gắn liền với đất, thiết bị thuộc dự án, giá trị vay tối đa 31.500.000.000 đồng. Theo quyết định số 2849/QĐ-UBND, ngày 02 tháng 07 năm 2010 của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh thì Công ty được ngân sách hỗ trợ toàn bộ lãi vay phục vụ dự án nói trên.

(2) Tiền vay vốn của Bộ Tài Chính để đầu tư dây chuyền sản xuất lốp xe đạp, khoản vay không có tài sản đảm bảo và không tính lãi vay. Khoản vay này sẽ đáo hạn vào ngày 15 tháng 6 năm 2014.

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

13.1 Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

Đơn vị: đồng Việt Nam

Cổ đông	Tỷ lệ	30/06/2013	Tỷ lệ	01/01/2013
Công ty cổ phần đầu tư phát triển thương mại Viễn Đông	33,27%	31.840.070.000	33,27%	31.840.070.000
Công ty cổ phần Giấy Toàn Lực	7,40%	7.085.100.000	7,40%	7.085.100.000
Các cổ đông khác	59,33%	56.774.660.000	59,33%	56.774.660.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>95.699.830.000</b>		<b>95.699.830.000</b>

13.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức được chia

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	30/06/2013	01/01/2013
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	95.699.830.000	87.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	0	8.699.830.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỆT ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	95.699.830.000	95.699.830.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		8.699.830.000

13.3 Cổ phiếu

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU	30/06/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.569.983	9.569.983
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.569.983	9.569.983
- Cổ phiếu phổ thông	9.569.983	9.569.983
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.569.983	9.569.983
- Cổ phiếu phổ thông	9.569.983	9.569.983

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/1 cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

13.4 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị: đồng Việt Nam

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	87.000.000.000	4.800.000.000	(146.882.984)	3.526.899.032	1.637.807.534	13.266.771.066	110.084.594.648
Tăng vốn trong năm	8.699.830.000	-	-	-	-	-	8.699.830.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	220.336.627	220.336.627
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	186.262.642	(186.262.642)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	146.882.984	-	-	-	146.882.984
Trích lập quỹ KT-PL	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(8.699.830.000)	(8.699.830.000)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	95.699.830.000	4.800.000.000	0	3.526.899.032	1.824.070.176	4.601.015.051	110.451.814.259
Số dư đầu năm nay	95.699.830.000	4.800.000.000	0	3.526.899.032	1.824.070.176	4.601.015.051	110.451.814.259
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	1.439.500.210	1.439.500.210
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	95.699.830.000	4.800.000.000	0	3.526.899.032	1.824.070.176	6.040.515.261	111.891.314.469

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

14 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Quý II/2013	Quý II/2012
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>19.730.617.037</b>	<b>8.442.804.249</b>
Doanh thu bán hàng hóa	11.539.876.394	2.376.187.934
Doanh thu bán thành phẩm	7.125.073.371	5.921.161.770
Doanh thu dịch vụ	1.065.667.272	145.454.545
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(87.166.106)</b>	<b>(141.562.868)</b>
Chiết khấu thương mại	(87.166.106)	(108.589.231)
Hàng bán bị trả lại		(32.973.637)
Giảm giá hàng bán		-
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.643.450.931</b>	<b>8.301.241.381</b>

15 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Quý II/2013	Quý II/2012
Giá vốn hàng hóa	11.489.782.454	2.313.540.493
Giá vốn thành phẩm	5.285.555.039	4.071.906.592
Giá vốn dịch vụ	342.446.967	145.454.545
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.117.784.460</b>	<b>6.530.901.630</b>

16 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Quý II/2013	Quý II/2012
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.813.979	1.017.532
Lãi từ mua bán cổ phiếu		
Cổ tức nhận được		1.125.000.000
Khác	4.600	
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.818.579</b>	<b>1.126.017.532</b>

17 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Quý II/2013	Quý II/2012
(Hoàn nhập)/ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(855.255.000)	2.863.583.281
Chi phí lãi vay	361.484.543	56.650.000
Phí chuyển tiền, khác	3.694.479	5.922.104
Chênh lệch tỷ giá		



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

<b>Tổng cộng</b>	(490.075.978)	2.926.155.385
------------------	---------------	---------------

18 CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Quý II/2013	Quý II/2012
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	3.332.109.103	2.901.434.881
Chi phí nhân công	699.129.114	724.782.942
Chi phí dụng cụ sản xuất	348.308.187	413.286.201
Chi phí khấu hao TSCĐ	59.128.150	64.258.023
Chi phí bằng tiền khác	181.435.273	179.483.815
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.620.109.827</b>	<b>4.283.245.862</b>

19 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Quý II/2013	Quý II/2012
Lợi nhuận kế toán (1)	1.886.328.774	(1.032.839.852)
Cổ tức lợi nhuận được chia (2)	0	1.125.000.000
Chi phí không hợp lý, hợp lệ (3)	3.755.339	1.299.000
<b>Thu nhập chịu thuế (4) = (1) - (2) + (3)</b>	<b>1.890.084.113</b>	<b>(2.156.540.852)</b>
Số lỗ chuyển kỳ này (5)	0	
<b>Thu nhập tính thuế (6) = (4) - (5)</b>	<b>1.890.084.113</b>	
Thuế suất TNDN (7)	25%	
Thuế TNDN (8) = (6) x (7)	472.521.028	
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (9)	0	
<b>Thuế thu nhập DN phải nộp (10) = (8) - (9)</b>	<b>472.521.028</b>	<b>(7.093.512)</b>

20 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:	Tỷ lệ góp vốn	Mối quan hệ
Công ty CP Văn Hóa Giáo Dục Viễn Đông	10,00%	Đầu tư dài hạn
Trường Tiểu học Dân lập Việt Mỹ	35,00%	Công ty liên kết
Trường THCS Việt Mỹ	40,00%	Công ty liên kết
Công ty CP Thương mại Toàn Lược	18,97%	Đầu tư dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Công ty CP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	30,00%	Công ty liên kết
Công ty CP Giấy Toàn Lực	17,66%	Đầu tư dài hạn - cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	2,23%	Đầu tư dài hạn
Công ty CP Chè Cà Phê Di Linh	0,91%	Đầu tư dài hạn
Công ty CP In Khánh Hội	12,50%	Đầu tư dài hạn
Trường Trung Học Phổ Thông Việt Mỹ Anh	40,00%	Công ty liên kết
Công ty CP Mai Lan		Quan hệ cổ đông

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan:

Nội dung giao dịch	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
<b>- Trường Tiểu Học Dân lập Việt Mỹ</b>	
Phí khai thác sử dụng mặt bằng	419.103.637
Thu tiền phí khai thác sử dụng mặt bằng	1.617.600.000
<b>- Trường Trung Học Cơ Sở Việt Mỹ</b>	
Phí khai thác sử dụng mặt bằng	970.909.092
<b>- Trường Trung Học Phổ Thông Việt Mỹ Anh</b>	
Phí khai thác sử dụng mặt bằng	485.454.546
<b>- Công ty CP Văn Hóa Giáo Dục Viễn Đông</b>	
Phí khai thác sử dụng mặt bằng	32.727.270
<b>- Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Giáo Dục Hoàng Việt</b>	
Phí khai thác sử dụng mặt bằng	40.000.000
<b>- Công ty CP Chè Cà Phê Di Linh</b>	
Chi tiền cho mượn	300.000.000
Thu tiền cho mượn	300.000.000
Thu tiền mượn	1.500.000.000
Chi trả tiền mượn	500.000.000
Mua hàng hóa	400.000
Chi trả tiền mua hàng hóa	16.900.000
<b>- Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Viễn Đông</b>	
Chi tiền cho mượn	730.000.000
Thu tiền cho mượn	730.000.000
<b>- Công ty CP Thương Mại Toàn Lực</b>	
Bán hàng hóa	1.188.336.000
Mua hàng hóa	32.618.854.895
Thu tiền bán hàng	712.000.000
Cần trừ công nợ	20.945.931.063
Chi trả tiền mua hàng hóa	15.503.061.803
Chi tiền cho mượn	250.000.000
<b>- Công ty CP Giấy Toàn Lực</b>	
Bán hàng hóa	3.701.118.900



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Thu tiền bán hàng	1.855.000.000
- Công ty CP Mai Lan	
Bán hàng hóa	6.646.798.661
Mua hàng hóa	1.490.691.751
Thu tiền bán hàng	3.012.760.926
Cán trừ công nợ	927.760.926
Chi trả tiền hàng	712.000.000
- Công ty CP In Khánh Hội	
Thu tiền hàng	8.081.000.000
<b>Tại ngày kết thúc Quý II/2013, công nợ với các bên liên quan khác như sau:</b>	
<b>Nội dung giao dịch</b>	<b>30/06/2013</b>
- Trường Tiểu Học Dân lập Việt Mỹ	
Thanh toán trước tiền khai thác sử dụng mặt bằng	4.393.954.485
Phải trả tiền mượn	771.700.000
- Trường Trung Học Cơ Sở Việt Mỹ	
Phải thu phí khai thác sử dụng mặt bằng	1.068.000.000
Phải trả tiền mượn	974.000.000
- Trường Trung Học Phổ Thông Việt Mỹ Anh	
Phải thu phí khai thác sử dụng mặt bằng	534.000.000
- Công ty CP Văn Hóa Giáo Dục Viễn Đông	
Phải thu phí khai thác sử dụng mặt bằng	62.728.800
- Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Giáo Dục Hoàng Việt	
Phải thu phí khai thác sử dụng mặt bằng	44.000.000
- Công ty CP Chè Cà Phê Di Linh	
Phải trả tiền mượn	1.000.000.000
- Công ty CP Thương Mại Toàn Lực	
Phải thu tiền hàng	5.705.860.018
Phải thu tiền cho mượn	250.000.000
- Công ty CP Giấy Toàn Lực	
Phải thu tiền hàng	2.216.230.790
- Công ty CP Mai Lan	
Phải thu tiền hàng	2.445.128.951
- Công ty CP In Khánh Hội	
Phải thu tiền hàng	1.463.123.997

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

\*) Báo cáo tài chính quý II/2012 được lấy theo Báo cáo tài chính đã được soát xét (cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012) bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin Học TP.HCM.

\*) Doanh số Quý II/2013 đạt **19.643.450.931 đồng**, tăng 136,63% so với cùng kỳ năm trước; Nguyên nhân: Công ty đã gia tăng doanh số hoạt động kinh doanh thương mại (tăng 385,64% so với cùng kỳ), hoạt động kinh doanh cho thuê mặt bằng cũng tăng (tăng 632,64% so với cùng kỳ) là do bước vào giai đoạn đầu khai thác tòa nhà 06 tầng Việt Mỹ, ngoài ra hoạt động sản xuất kinh doanh cơ khí của Công ty ổn định và tăng 20,33% so với cùng kỳ.

\*) Lợi nhuận sau thuế Quý II/2013 đạt **1.413.807.746 đồng**, tăng 237,83% so với cùng kỳ năm trước; Nguyên nhân: Do doanh số tăng nên lợi nhuận gộp tăng 755.326.720 đồng so với cùng kỳ năm trước, bên cạnh đó giá cổ phiếu mã VID tăng tại ngày cuối quý nên Công ty đã hoàn nhập chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính là 855.255.000 đồng, tổng chi phí tài chính giảm 116,75% so với cùng kỳ năm trước.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

#### PHỤ LỤC: BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty có kinh doanh thương mại nhiều nhóm sản phẩm nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh, còn báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý không có vị đơn vị chỉ kinh doanh trong nước.

STT	Chỉ tiêu	Kinh doanh giấy thương mại	Sản xuất thiết bị phụ tùng xe máy, xe đạp	Thuê kho, mặt bằng	Doanh thu khác (Vật tư, nguyên liệu)	Tổng cộng
1.	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>11.536.253.561</b>	<b>10.797.340.168</b>	<b>1.948.194.545</b>	<b>542.984.287</b>	<b>24.824.772.561</b>
-	Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	11.536.253.561	10.797.340.168	1.948.194.545	542.984.287	24.824.772.561
-	Doanh thu thuần từ bán hàng cho bộ phận khác					-
2.	<b>Doanh thu tài chính</b>					<b>5.945.314</b>
3.	<b>Chi phí</b>	<b>11.495.750.725</b>	<b>10.669.814.582</b>	<b>707.885.137</b>	<b>96.497.775</b>	<b>22.909.940.877</b>
-	Giá vốn	11.486.159.621	8.495.858.358	685.225.854	96.497.775	20.763.741.608
-	Chi phí phân bổ	9.591.104	2.033.636.398	22.659.283		2.065.886.785
-	Chi phí khấu hao		140.319.826			140.319.826
-	Chi phí tài chính					

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

					(60.007.342)	
4.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	40.502.836	127.525.586	1.245.149.438	446.486.512	1.920.776.998
5.	Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ					-
6.	Tài sản bộ phận	36.219.379.862	11.528.313.320	25.276.603.213	148.162.000	73.172.458.395
7.	Tài sản không phân bổ					56.580.334.256
	Tổng tài sản					129.752.792.651
8.	Nợ phải trả bộ phận	-	2.560.076.644	10.825.060.385	-	13.385.137.029
9.	Nợ phải trả không phân bổ					4.476.341.153
	Tổng nợ phải trả					17.861.478.182



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

**PHỤ LỤC: TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	30/06/2013		01/01/2013		30/06/2013	01/01/2013
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	54.309.011.652	(9.778.104.317)	54.309.011.652	(10.633.359.317)	44.530.907.335	43.675.652.335
- Tiền và các khoản tương đương tiền	616.644.409	-	1.145.979.697	-	616.644.409	1.145.979.697
- Phải thu khách hàng	17.145.839.770	-	41.289.335.286	-	17.145.839.770	41.289.335.286
- Phải thu khác	4.693.500.000	-	4.693.500.000	-	4.693.500.000	4.693.500.000
- Tài sản tài chính khác	10.000.000	-	10.000.000	-	10.000.000	10.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>76.774.995.831</b>	<b>(9.778.104.317)</b>	<b>101.447.826.635</b>	<b>(10.633.359.317)</b>	<b>66.996.891.514</b>	<b>90.814.467.318</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
- Vay và nợ	8.280.201.497	-	12.129.042.608	-	8.280.201.497	12.129.042.608
- Phải trả người bán	1.010.385.101	-	2.161.581.250	-	1.010.385.101	2.161.581.250
- Phải trả khác	2.745.700.000	-	1.745.700.000	-	2.745.700.000	1.745.700.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.036.286.598</b>	<b>-</b>	<b>16.036.323.858</b>	<b>-</b>	<b>12.036.286.598</b>	<b>16.036.323.858</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 01 tháng 01 năm 2013 và 30 tháng 06 năm 2013. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIÊN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

TP.HCM, ngày 10 tháng 07 năm 2013.

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VÕ TRẦN QUỐC



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



BÙI NAM LONG